

Bản án số: **86/2019/HSPT**

Ngày: 04-04-2019

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trương Công Thi**

*Các thẩm phán:* Ông **Phạm Việt Cường**

Ông **Trương Minh Tuấn**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Văn Thị Mỹ Thảo**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Ông **Lê Ra**, Kiểm sát viên.

Vào ngày 04 tháng 04 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 92/2019/TLPT-HS ngày 10 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo **Nguyễn Văn Đ** và đồng phạm về tội “*Trộm cắp tài sản*”; “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”. Do kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 55/2018/HS-ST ngày 27-11-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2019/QĐXXPT-HS ngày 12 tháng 3 năm 2019.

**- Bị cáo có kháng cáo:**

**1. Nguyễn Văn Đ** – sinh năm: 1998 tại Bình Định; nơi đăng ký HKTT: tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 8/12; Con ông: Nguyễn Văn V- sinh năm 1970; Con bà: Đặng Thị Diễm T - sinh năm 1973; tiền án: Ngày 12/4/2016, bị TAND thành phố N, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 06 tháng tù tại Bản án số 135/2016/HSST về tội “*Trộm cắp tài sản*”; Ngày 20/10/2016, bị TAND tỉnh Bình Định xử phạt 09 tháng tù theo Bản án số 167/2016/HSPT. Bị cáo đã chấp hành xong 02 bản án nêu trên ngày 27/8/2017; tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 09/12/2017, có mặt;

**2. Lê Văn S** - Sinh năm: 1994 tại Bình Định; Trú tại: tỉnh Bình Định; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Con ông: không rõ và bà: Lê Thị Q - sinh năm 1973; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại, có mặt.

**3. Lê Văn T** - Sinh năm: 1988 tại Bình Định; Trú tại: tỉnh Bình Định; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 6/12; Con ông: Lê Văn H - sinh năm 1956 và bà: Nguyễn Thị H - sinh năm 1962; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại, có mặt.

**- Bị hại:**

1. Nguyễn Tuấn H – sinh năm: 1993

Trú tại: Phú Yên.

2. Lê Thị Ngọc L – sinh năm

Trú tại: Bình Định.

3. Trịnh Văn T – sinh năm: 1973

Trú tại: Bình Định

4. Trần Công T1 – sinh năm: 1979

Trú tại: Bình Định.

5. Lâm Tấn T2 – sinh năm: 1994

Trú tại: Bình Định.

6. Phạm Thị X – sinh năm: 1971

Trú tại: Bình Định.

7. Phạm Thị Mỹ P – sinh năm: 1992

Trú tại: Bình Định.

8. Lê Văn C – sinh năm: 1974

Trú tại: Bình Định.

9. Nguyễn Thị Đa S – sinh năm: 1989

Trú tại: Bình Định

10. Nguyễn Võ M V – sinh năm: 1992

Trú tại: Bình Định.

11. Nguyễn Đắc T3 – sinh năm: 1989

Trú tại: Bình Định.

12. Đinh Văn P – sinh năm: 1996

Trú tại: Bình Định.

13. Đặng Thị H – sinh năm: 1992

Trú tại: Bình Định.

14. Võ M – sinh năm: 1969

Trú tại: Bình Định.

15. Thân Trọng C2 – sinh năm: 1988

Trú tại: Bình Định.

16. Đoàn Văn T4 – sinh năm: 1958

Trú tại: Bình Định

17. Ngô Trọng C1 – sinh năm: 1994

Trú tại: Bình Định.

18. Đỗ Thị Mỹ L – sinh năm: 1977

Trú tại: Bình Định.

19. Ngô Văn Đ1 – sinh năm: 1986

Trú tại: Bình Định.

**- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

1. Trần Xuân A – sinh năm: 1976

Trú tại: Bình Định.

2. Phạm Văn N – sinh năm: 1990

Trú tại: Bình Định.

3. Lê Văn T – sinh năm: 1988

Trú tại: Bình Định

4. Đặng Văn T5 – sinh năm: 1990

Trú tại: Bình Định.

5. Nguyễn Minh T6 – sinh năm: 1996

Trú tại: Bình Định.

6. Lê Hoàng V - sinh năm: 2000

Đại diện hợp pháp: Bà Hoàng Thị T – sinh năm: 1980

Trú tại: Bình Định.

7. Đào Minh D – sinh năm: 1993

Trú tại: Bình Định.

8. Phạm Tấn C4 - sinh năm: 1979

Trú tại: Định Thiện Tây, Phước Quang, T, Bình Định.

**- *Người làm chứng:***

1. Kiều Văn L – sinh năm: 1978.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 07/2017, Lê Phú C5 chuẩn bị 01 bộ dụng cụ phá khóa xe mô tô tự chế (đoản) rồi rủ Lê Phú T6, Lê Văn S, Nguyễn Văn Đ đi trộm cắp xe mô tô để bán lấy tiền tiêu xài thì cả bọn đồng ý. C6 và Đ bàn thống nhất cùng nhau tiêu thụ tài sản do trộm cắp mà có. Ngoài ra Đ cũng tự chuẩn bị cho mình 01 bộ phá khóa xe mô tô tự chế (đoản) rồi nhờ Lê Phú T6 tìm nơi tiêu thụ xe mô tô do Đ và đồng bọn của Đ trộm cắp được T6 đồng ý. Sau đó Đ đã rủ thêm Huỳnh Kim S, Phạm Thành N2, Lê Minh T7, Huỳnh Văn H1, Võ M H2 cùng tham gia trộm cắp tài sản. Đ còn bàn với Phạm Văn T tiêu thụ xe mô tô do Đ và đồng bọn trộm cắp mà có thì được Phạm Văn T đồng ý.

Từ tháng 07/2017 đến tháng 12/2017, Đ và đồng bọn đã thực hiện tổng cộng 19 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn các huyện T, V, thị xã A, H, P với tổng giá trị tài sản được Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự xác định là 257.092.933đ rồi đem bán được tổng số tiền là 61.300.000đ chia nhau tiêu xài, cụ thể như sau:

**Vụ thứ 1:** Trưa ngày 07/07/2017, Lê Phú C5 mang theo dụng cụ phá khóa xe mô tô rồi đến rủ Lê Phú T6 cùng Lê Văn S đi dạo tìm xe mô tô để trộm cắp. S điều khiển xe mô tô Sirius, BS: 77G1– 468.48 của S chở T6, C6 đi dạo các tuyến đường trong xã P, huyện T. Khi đến khu nhà công vụ Sư Đoàn 31 (xã P, huyện T) C6 thấy xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu xanh-trắng, biển kiểm soát 78K1-035.75 của anh Nguyễn Tuấn H, C6 bảo S dừng xe lại cùng T6 đứng ở ngoài cảnh giới, còn C6 vào bên trong lén lút dùng đoản phá khóa dắt xe ra ngoài rồi nổ máy chạy đi; sau đó C6 giao xe cho T6 đi tiêu thụ, T6 gọi điện thoại cho Nguyễn Văn T để cầm xe không giấy tờ (nói là xe của mình giấy tờ mẹ giữ) thì được Nguyễn Văn T đồng ý giới thiệu một người đến gặp T6 để cầm xe với giá 5.500.000đ. Số tiền cầm xe có được, C6, T6, S đã tiêu xài chung hết. Cơ quan điều tra không thu hồi được xe mô tô.

Ngày 28/02/2018, Hội đồng định giá tài sản trong TTHS huyện T có Bản kết luận định giá số 47/KL-HĐ xác định xe mô tô trị giá 25.000.000 đồng.

**Vụ thứ 2:** Khoảng 12h ngày 11/10/2017, Lê Phú C5 rủ Nguyễn Văn Đ đi trộm cắp. C6 điều khiển xe mô tô của ông Lê Phú Hồng (cha ruột) chở Đ đi dạo thì phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Jupiter, màu đen, biển kiểm soát 77L1-273.17 của anh Nguyễn Văn L đứng tên chủ sở hữu do vợ chị Lê Thị Ngọc L sử dụng để trước nhà chị Lê Thị Ngọc T, có gắn chìa khóa trên xe mà không có người trông coi. Đ đứng ngoài cảnh giới, C6 đi bộ đến lấy trộm rồi nổ máy chạy đi. Sau đó, C6 bán xe trên cho 02 người lạ với giá 3.000.000đ. C6 và Đ chia nhau mỗi người được 1.500.000đ.

Ngày 12/12/2017, Đội cảnh sát giao thông thị xã A thu giữ xe này của một người không rõ tên tuổi do vi phạm giao thông, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh đã tiếp nhận và trả cho bị hại.

Ngày 28/02/2018, Hội đồng định giá tài sản trong TTHS huyện T có Bản kết luận định giá, xác định xe mô tô nói trên trị giá là 20.000.000 đồng.

**Vụ thứ 3:** Khoảng 12 giờ 30 ngày 15/10/2017, Lê Phú C5 rủ Nguyễn Văn Đ cùng đi trộm cắp. C6 sử dụng xe mô tô của cha ruột chở Đ đi tìm xe để trộm, khi đến V bọn chúng phát hiện trong sân nhà anh Trịnh Văn T có dựng 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu sơn trắng- đen, BS: 77B1 – 016.33, không có người trông coi, Đ đứng ngoài cảnh giới, C6 lên vào trong sân dắt xe ra ngoài, rồi phá khóa nổ máy chạy đi. Sau đó, Đ đem xe giao cho Lê Phú T6 bán thì T6 gọi điện thoại cho Phạm Tấn C4 để thế chấp xe không giấy tờ nhưng Công không có tiền nên đã giới thiệu cho Trần Thanh T thì Trần Thanh T đồng ý cùng Công đến gặp T6 thỏa thuận nhận thế chấp xe không giấy tờ và T6 nói dối giấy tờ để ở nhà với giá 3.000.000đ. Sau khi thế được xe lấy tiền thì C6, Đ, T6 chia nhau tiêu xài hết. Còn Triều sử dụng xe này đến khi biết là tài sản do trộm cắp đã giao nộp cho Cơ quan điều tra và không có yêu cầu bồi thường; Cơ quan CSĐT – Công an tỉnh Bình Định đã trả lại chiếc xe mô tô trên cho bị hại.

Ngày 06/02/2018, Hội đồng định giá tài sản trong TTHS huyện V có Bản kết luận định giá, xác định giá trị xe mô tô nói trên là 11.000.000 đồng.

**Vụ thứ 4 :** Khoảng 23 giờ ngày 16/10/2017 Đ, C6, S thống nhất rủ nhau đi trộm cắp nên Huỳnh Kim S điều khiển xe mô tô 77G1-377.74 mượn của ông Đặng Anh Nhân chở Đ và C6 đến C, V tìm xe mô tô để lấy trộm. Khi đến trước nhà ông Trần Công T1 phát hiện xe mô tô hiệu Sirius, màu trắng – đen, BS: 77B1 – 011.45 của ông T1 dựng trong sân nhà. C6 và S đứng bên ngoài cảnh giới còn Đ vào bên trong dùng đoản phá khóa dắt xe ra ngoài, nổ máy xe chạy về P, T và liên lạc với T6 để giao xe cho T6 đi bán; sau đó, T6 đã gọi điện cho Huỳnh Cao T để bán xe thì Huỳnh Cao T đồng ý giới thiệu T6 với người khác và hẹn gặp nhau tại bờ sông Luật Lễ. Tại điểm hẹn T6 đã bán xe cho 02 thanh niên (không rõ lai lịch) với giá 2.500.000 đồng; số tiền bán xe T6 đưa hết cho Đ, Đ chia mỗi người 400.000 đồng (Đ, S, C6) còn lại ăn nhậu chung.

Ngày 06/02/2018, Hội đồng định giá tài sản trong TTHS huyện V có Bản kết luận định giá, xác định trị giá xe mô tô nói trên là 8.190.000 đồng.

**Vụ thứ 5:** Khoảng 21 giờ 30 ngày 24/10/2017, Nguyễn Văn Đ rủ Huỳnh Kim S đi trộm cắp tài sản, S dùng xe mô tô chở Đ đến trước quán cà phê Súc Sóng Mới thuộc C, V, thấy xe mô tô hiệu Exciter, BS 77B1 – 025.05 do ông

Lâm Tấn T2 đứng tên chủ sở hữu giao cho con trai tên Lâm Tấn T sử dụng, dựng trên lề đường trước quán, không có ai trông coi. S dùng xe dựng bên ngoài cảnh giới còn Đ đến phá khóa nhưng không được do xe mô tô không khóa cổ nên dắt xe đi đến chỗ S để S vừa điều khiển xe mô tô vừa dùng chân đẩy xe mô tô do Đ lấy trộm đến ngã 3 Mảnh Hồ thuộc P, T thì dừng lại để Đ tháo biển số, rút dây bình, nổ máy chạy về nhà S cất, còn biển số 77B1 – 025.05 Đ vứt bỏ dọc đường đi.

Sáng ngày 25/10/2017, Đ đem biển số 79N1-360.06 nhặt được trước đó đến nhà S gắn vào xe và sau đó dùng đoạn phá ổ khóa rồi dùng một chìa khóa gắn vào xe Exciter nói trên; khoảng 19 giờ cùng ngày Đ điện thoại cho Lê Phú C5 nhờ C6 bán xe thì C6 đồng ý đến sáng hôm sau C6 đã gọi điện cho Đỗ A để bán xe nhưng P không mua mà giới thiệu cho Lê Văn T thì T đồng ý và thống nhất hẹn gặp nhau tại nhà máy xi măng ở thị trấn D. Sau đó, Lê Văn T đến gặp C6 để xem xe thì thấy ổ khóa xe bị vỡ, xe không có giấy tờ, giá bán 5.000.000 đồng, T biết đó là tài sản do trộm cắp mà có nhưng vẫn mua vì giá rẻ để sử dụng. Sau khi bán được xe Đ đã cho C6 200.000 đồng, S được 1.200.000 đồng, Đ được 1.200.000 đồng, còn lại sử dụng ăn nhậu chung. Còn xe mô tô nói trên thì T sử dụng đến ngày 31/7/2018 Phòng cảnh sát hình sự Công an tỉnh phát hiện, thu giữ và chuyển cho Cơ quan điều tra để giải quyết.

Ngày 06/02/2018, Hội đồng định giá tài sản trong TTHS huyện V có Bản kết luận định giá số 04/KLHĐ, xác định trị giá xe mô tô nói trên tại thời điểm bị mất trộm là 22.550.000 đồng.

**Vụ thứ 6:** Khoảng 23h ngày 24/10/2017, Nguyễn Văn Đ rủ Huỳnh Kim S đi trộm cắp tài sản, S đồng ý và điều khiển xe mô tô chở Đ đi tìm xe để trộm, khi đến trước nhà chị Phạm Thị X ở thôn D, thị trấn D, huyện T, S phát hiện xe mô tô hiệu Focol, màu xanh, BS: 81K1-5697 của chị Xuân dựng trước nhà, không có ai trông coi, có gắn chìa khóa ở ổ khóa nên dừng xe lại. S đứng bên ngoài cảnh giới, Đ vào lấy trộm xe đem ra ngoài rồi nổ máy chạy đi.

Ngày 28/02/2018, Hội đồng định giá tài sản trong TTHS huyện T có Bản kết luận định giá xác định xe mô tô trên có giá trị là 1.500.000 đồng.

**Vụ thứ 7:** Khoảng 19 giờ ngày 06/11/2017, Đ rủ S đi trộm cắp xe bán lấy tiền, S đồng ý và tiếp tục sử dụng xe mô tô của ông Đặng Anh Nhân chở Đ đi trộm cắp. Khi đến số nhà 242 Quang Trung, P. Bình Định, TX. A, Đ phát hiện 01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius, BKS 77G1-078.97 của chị Phạm Thị Mỹ P mua của anh Nguyễn Quốc V nhưng chưa sang tên chủ sở hữu, dựng trước tiệm cạo cạo, không có ai trông coi nên S dừng lại đứng ngoài cảnh giới. Đ đi đến vị trí xe mô tô, dùng đoạn phá khóa rồi lấy xe. Trên đường đi xe bị hư do

ngập nước nên Đ bỏ lại nhà một người dân ven đường rồi đi bộ. Đến khi gặp lại S, Đ nói dôi xe bị hư nên đã vứt bỏ dọc đường nên S tin Đ. Đến hôm sau Đ quay lại lấy xe về nhà rồi dùng băng keo đen cắt dán sửa biển số xe từ 77G1 – 078.97 thành 77G1 – 079.87 để làm phương tiện thực hiện nhiều vụ trộm cắp khác. Xe đã được Cơ quan điều tra thị xã A đã trả lại cho bị hại.

Ngày 25/12/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã A có bản kết luận, xác định trị giá xe mô tô nói trên là 8.500.000 đồng.

**Vụ thứ 8:** Cũng trong đêm 06/11/2017, sau khi bỏ xe vừa lấy trộm bị ngập nước, Đ đi bộ về nhà, trên đường đi khi đến trước nhà anh Đỗ Đức Tín ở thôn An Hòa 2, xã P, huyện T, Đ phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, biển kiểm soát 77X1-2225 của anh Lê Văn C gửi ở sân nhà anh T3, không có ai trông coi. Đ lên vào dùng đoản phá khóa lấy trộm xe mô tô rồi chạy đi. Tuy nhiên, trên đường đi xe lại tiếp tục bị hỏng máy do trời mưa ngập nước nên Đ dắt bỏ tại khu công nghiệp P. Rạng sáng ngày 07/11/2017, Đ đến nhà Lê Phú T6 chở T6 đến khu công nghiệp P đẩy xe 77X1-2225 về nhà T6 rồi cho T6 luôn. Trưa ngày hôm sau, T6 đem xe này đến nhà trọ của Quang Triệu P để bán nhưng P không mua mà gọi cho Phan Ngọc H, ở gần nhà P nhưng làm nghề xe thồ ở Q để giới thiệu T6 bán xe cho H thì H đồng ý và hẹn gặp tại cây xăng Phương Linh ở gần bến xe tỉnh Bình Định để giao dịch mua bán. Còn H sau đó gọi điện cho D để giới thiệu D mua xe thì D đồng ý. Sau đó, H chở D đến điểm hẹn gặp T6 và D đã mua xe trên với giá 2.000.000đ.

Ngày 28/02/2018, Hội đồng định giá tài sản trong TTHS huyện T có Bản kết luận định giá, xác định xe mô tô nói trên có giá 10.000.000 đồng.

**Vụ thứ 9:** Cũng trong đêm ngày 6/11/2017, sau khi Đ rủ S đi trộm cắp thì S đồng ý, khi đến trước nhà anh Tấn Văn S ở thị trấn T, huyện T, phát hiện xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius, BS: 77G1-055.72 của chị Nguyễn Thị Đa S gửi tại sân nhà anh S. Đ lên vào chỗ để xe dùng đoản phá khóa lấy trộm xe mô tô. Đến ngày 09/11/2017, Đ giao xe cho T6 bán thì T6 điện thoại cho Đỗ Anh P để bán xe không giấy tờ và T6 nói dôi là xe của gia đình còn giấy tờ do ba giữ nên P đồng ý và dẫn T6 đến một quán nhậu ở P, T gặp một người đàn ông để bán xe trên với giá 3.000.000đ. Sau khi bán được xe, T6 cho P 500.000 đồng, số tiền còn lại T6, S, Đ tiêu xài chung.

Ngày 28/02/2018, Hội đồng định giá tài sản trong TTHS huyện T có Bản kết luận định giá, xác định trị giá xe mô tô nói trên là 13.000.000 đồng.

**Vụ thứ 10:** Khoảng 12 giờ ngày 08/11/2017, Nguyễn Văn Đ rủ Phạm Thành N2 trộm cắp xe mô tô. N2 điều khiển xe mô tô chở Đ đi đến cầu Cẩm Tiên 2 thuộc phường Nhơn Hưng, TX. A, thấy có nhiều người đang ngồi câu cá,

dưới chân cầu có nhiều xe mô tô để dọc trên đường đất đi xuống chân cầu không có ai trông coi. Đ nói N2 quay xe lại dừng xe ở bên trái sát lề đường đứng cạnh giới, Đ đi bộ tới điểm để xe dừng đoạn phá ổ khóa xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius, biển số: 77F1-172.75 của Nguyễn Võ M V nổ máy rồi cả hai chạy xe về nhà của Lê Phú T6 để đưa cho T6 đi tiêu thụ, còn Đ và N2 đến quán internet P chơi; sau đó T6 đã điện thoại cho Nguyễn Văn T nhờ Nguyễn Văn T cầm cổ xe không giấy tờ và T6 nói dối xe của gia đình do bỏ nhà đi nên Trần Bảo T cầm xe với giá 2.500.000 đồng. Số tiền này, T6 đưa hết cho Đ, Đ cho T6 500.000 đồng, còn lại Đ và N2 chia hai tiêu xài hết. Đối với Nguyễn Văn T sau khi cầm xe của T6, Nguyễn Văn T bán lại cho Đào Xuân S giá 2.500.000 đồng. Sau khi biết tài sản là do trộm cắp mà có nên Đào Xuân S đem giao nộp cho Cơ quan CSĐT và Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại.

Ngày 25/12/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã A có bản kết luận, xác định xe mô tô nói trên trị giá là 8.000.000 đồng.

**Vụ thứ 11:** Do Đ thấy nhà anh Nguyễn Đắc T3 ở TX. A có treo nhiều lồng chim, nên khoảng 19 giờ 30 ngày 10/11/2017, Nguyễn Văn Đ rủ Phạm Thành N2, Huỳnh Kim S và Lê Minh T7 cùng nhau đi trộm chim, cả nhóm đều đồng ý. N2 điều khiển xe mô tô BS: 77H6 – 7473 chở T7, S điều khiển xe mô tô BS: 77G1 – 377.74 chở Đ đến trước nhà anh T3. Tại đây, N2, S đứng cạnh giới còn Đ, T7 lên vào nhà anh T3, Đ trèo lên tường lần lượt lấy 05 lồng chim bên trong có nhốt 05 con chim chào mào đưa cho T7 cầm. Sau đó, T7 cầm 02 lồng chim, Đ cầm 03 lồng chim đi ra rồi cả nhóm lên xe mô tô đi về nhà S. Tại đây, cả nhóm thống nhất bán lấy tiền tiêu xài, S gọi điện thoại cho Phạm Anh Đ để bán thì Phạm Anh Đ đồng ý mua nên đến nhà S để xem và mua 04 lồng và 04 con chim với giá 2.000.000 đồng mà không biết đó là tài sản do trộm cắp mà có, còn S lấy 01 lồng và 01 con chim về nuôi.

Ngày 05/01/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã A có bản kết luận trị giá 05 lồng chim và 05 con chim bị mất trộm là 8.600.000 đồng.

**Vụ thứ 12:** Khoảng 14 giờ ngày 12/11/2017, Huỳnh Văn H1 chuẩn bị cho mình 01 bộ dụng cụ phá khóa (đoản) tự chế rồi rủ Nguyễn Văn Đ đi trộm cắp xe mô tô, Đ đồng ý. H1 lái xe mô tô chở Đ đi thấy nhà sàn của anh Đinh Văn P ở H, Bình Định đóng cửa, không có người ở nhà mà có xe mô tô hiệu Sirius, BS 77K1 – 220.59 dựng trên sàn gỗ ở ngoài. H1 dừng xe ở ngoài cạnh giới, Đ đi vào dùng đoản của H1 đưa phá khóa lấy xe. Đ cho H1 số điện thoại của Phạm Văn T để H1 liên lạc bán xe. Do Phạm Văn T đã hứa hẹn trước với Đ về tiêu thụ xe trộm cắp nên khi H1 điện thoại cho Phạm Văn T nói là bạn của Đ cần bán xe thì Phạm Văn T đồng ý và hẹn gặp H1 tại ngã ba D, đồng thời Phạm

Văn T điện thoại cho Đào Minh D để bán xe và Phạm Văn T nói dối là xe của bạn do bỏ nhà đi không mang theo giấy tờ nên D giới thiệu cho Trần Minh K là người quen của D để Phạm Văn T cầm xe và cho số điện thoại của K để Phạm Văn T tự liên lạc. Khi Phạm Văn T gọi điện thoại cho K thì K đồng ý hẹn gặp nhau tại cầu Hà Thanh 2 (TP. Q), 02 bên thỏa thuận cầm cố xe mô tô với số tiền 4.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, H1 cho Phạm Văn T 500.000 đồng còn Phạm Văn T dẫn H1 khi nào có xe trộm cắp thì cứ đưa cho Phạm Văn T bán thì H1 đồng ý rồi đi về. Số tiền cầm xe có được H1 chia cho Đ 1.700.000 đồng, còn lại 1.800.000 đồng H1 giữ lại tiêu xài cá nhân. Đối với Trần Minh K sau khi cầm xe thì đem về sử dụng đến khi được biết là tài sản do bọn Đ trộm cắp mà có nên đã giao nộp cho Cơ quan điều tra và không yêu cầu bồi thường, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe trên cho bị hại.

Ngày 30/01/2018, Hội đồng định giá tài sản trong TTHS huyện H có Bản kết luận xác định xe mô tô nói trên trị giá là 20.305.843 đồng.

**Vụ thứ 13:** Khoảng 14 giờ ngày 21/11/2017, Huỳnh Văn H1 rủ Võ M H2 đi trộm cắp, H2 đồng ý điều khiển xe mô tô chở H1. Khi đến đoạn đường tránh qua thị trấn P thuộc thị trấn P thấy có một xe mô tô hiệu Yamaha, loại xe Sirius, biển số 77D1 – 296.95 của bà Nguyễn Thị P đứng tên chủ sở hữu (là mẹ chồng của H) cho chị Đặng Thị H mượn đi thăm ruộng để sát lề phía đông đường. Thấy vậy, H2 dừng xe lại đứng cạnh giới thiệu để H1 đi đến dùng đoản phá khóa xe rồi lấy xe. Sau đó, H1 nhờ Phạm Văn T tiêu thụ. Khoảng 19 giờ cùng ngày, H1 và Phạm Văn T hẹn gặp nhau tại quán cà phê S Trang; sau đó, Phạm Văn T nhờ L (là bạn của Phạm Văn T, không rõ nhân thân, lai lịch) giới thiệu chỗ cầm xe không giấy tờ thì L đồng ý dẫn Phạm Văn T và H1 đến gặp Lê Ngọc S để cầm xe, lúc này Phạm Văn T nói dối là xe của gia đình nên S đã đồng ý cầm xe với giá 2.800.000 đồng. Sau khi nhận tiền, H1 cho Phạm Văn T 300.000 đồng, chia cho H2, H1 mỗi người 1.000.000 đồng, còn lại 500.000 đồng sử dụng tiêu xài chung. Đối với Lê Ngọc S sau khi cầm được xe, vì kẹt tiền nên đem thế chấp cho ông Trần Xuân A để mượn số tiền 7.000.000 đồng. Còn ông Trần Xuân A sau khi biết được xe mô tô nhận thế chấp là tài sản do bọn H2 trộm cắp mà có nên ông Ánh đem giao nộp cho Cơ quan điều tra, Cơ quan điều tra trả lại cho chủ sở hữu.

Ngày 12/12/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện P có bản kết luận xác định trị giá xe mô tô nói trên là 16.449.587 đồng.

**Vụ thứ 14:** Khoảng 14 giờ ngày 24/11/2017, Nguyễn Văn Đ rủ Võ M H2, Huỳnh Văn H1 đi trộm cắp. H2 điều khiển xe mô tô chở H1 và Đ đi đến đoạn đường thuộc thôn Lạc S, Mỹ Trinh, P, phát hiện 01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại

xe Sirius, biển số đăng ký 77D1 – 014.78 của anh Võ M do con gái là Võ Thị T đứng tên chủ sở hữu, dựng ở bên đường, không có người trông coi nên H2 dừng xe lại và cùng H1 đứng canh giới, còn Đ đi đến dùng đoản phá khóa lấy xe. H1 liên lạc với Phạm Văn T để bán xe thì Phạm Văn T điện thoại cho Đào Minh D để bán xe và nói dối với D là xe của bạn Phạm Văn T do bỏ nhà đi không mang giấy tờ thì được D đồng ý mua và hẹn gặp nhau trước trường THPT C; nhưng sau đó D không mượn được tiền nên đã giới thiệu Phạm Văn N và dẫn Phạm Văn T, H1 đến gặp N thì N đã thống nhất cầm xe với giá 2.500.000đ nhưng chỉ đưa 2.300.000 đồng, bớt 200.000 đồng. Sau khi cầm được xe H1 cho Phạm Văn T 300.000 đồng, còn lại 2.000.000đ để tiêu xài chung. Đối với N sau khi cầm được xe thì sử dụng xe này đến khi biết chiếc xe này là của trộm cắp nên đã giao nộp cho Cơ quan điều tra. Cơ quan CSĐT – Công an tỉnh Bình Định đã trả lại chiếc xe mô tô trên cho bị hại.

Ngày 12/12/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện P có bản kết luận số, xác định xe mô tô nói trên trị giá 7.130.835đ.

**Vụ thứ 15:** Khoảng 01 giờ ngày 26/11/2017, Nguyễn Văn Đ tiếp tục rủ Võ M H2 đi trộm cắp. H2 điều khiển xe mô tô chở Đ đi dạo đến đoạn đường bê tông liên xã thuộc thôn Vạn Ninh 1, Mỹ Tài, P nhìn thấy bên trái đường có một xe mô tô hiệu Hon Da, loại xe Airblade, biển số đăng ký 77D1 – 161.62 của anh Thân Trọng C2 dựng trong sân trước nhà mà cửa cổng không khóa. Thấy vậy, H2 dừng xe lại để Đ đi vào dùng đoản phá khóa lấy trộm xe. Ngày hôm sau, Đ điều khiển xe mô tô trên đến nhà T6 để đưa cho T6 tiêu thụ thì T6 gọi điện thoại cho Đỗ Anh P để bán nhưng P không mua, nên P giới thiệu cho Lê Văn T và dẫn T đến gặp T6 thì T6 nói dối xe không giấy tờ của gia đình cần tiền lo cho bạn bị tai nạn, nên T đồng ý nhận cầm cố xe không giấy tờ với giá 6.000.000đ. Sau khi lấy được tiền, Đ cho T6 1.000.000 đồng, chia cho H2 2.000.000 đồng. Đối với Lê Văn T khi nhận cầm cố xe này T không biết đó là tài sản do trộm cắp, sau khi biết rõ chiếc xe mình cầm là tài sản do trộm cắp nên nhờ em ruột Lê Mạnh C đem giao nộp cho Cơ quan điều tra Công an huyện P và yêu cầu bồi thường số tiền đã cầm xe là 6.000.000đ. Cơ quan CSĐT – Công an huyện P đã trả lại chiếc xe mô tô trên cho chủ sở hữu.

Ngày 12/12/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện P có bản kết luận số, xác định xe mô tô nói trên giá trị 24.000.000đ.

**Vụ thứ 16:** Khoảng 01 giờ ngày 28/11/2017, H2 điều khiển xe mô tô chở H1 đi đến phía trước nhà ông T7, H2 đứng bên ngoài canh giới để H1 vào bên trong nhà ông T7 lấy trộm. Khi vào bên trong, H1 phát hiện thấy 02 xe mô tô biển số 77D1 – 111.37 của Ngô Trọng C1 và 77N2 – 7438 của ông T7 để ở sân

nhà. Trong đó, xe mô tô 77N2 – 7438 gắn chìa khóa điện trên ổ khóa nên H1 dắt xe mô tô 77N2 – 7438 ra bên ngoài rồi cả hai điều khiển xe chạy về nhà trọ 608 thị trấn P giầu. Sau đó, H2 chở H1 quay lại nhà ông T7 để H1 tiếp tục vào nhà dùng đoản phá khóa lấy trộm chiếc xe mô tô 77D1 – 111.37. Trong quá trình phá khóa thì cây đoản bị gãy nên H1 vứt bỏ trên đường đi. Sau đó, H1, H2 điều khiển hai xe mô tô lấy trộm nói trên vào Phú Tài rồi gọi điện cho Phạm Văn T để bán xe nhưng không được, nên H1 gọi điện cho Đ nhờ Đ giới thiệu chỗ tiêu thụ xe. Do đó, Đ cho H1 số điện thoại của T6 để H1 liên lạc bán xe thì H1 gọi điện cho Lê Phú T6 nhờ bán xe và T6 đồng ý đến nhà nghỉ Phú Quý ở ngã 3 Phú Tài gặp H1, nhưng do ban đêm chưa có chỗ tiêu thụ nên T6 ngủ lại với H1 và H2. Khoảng 08 giờ ngày 28/11/2017, Lê Phú T6 gọi điện thoại cho Trần Bảo T để bán xe và nói rõ mới lấy ở P 02 chiếc, đồng thời nhờ Trần Bảo T giới thiệu thêm người khác để mua thì Trần Bảo T đồng ý rồi gọi điện thoại cho Lê Minh T7 và rủ T7 cùng mua thì được T7 đồng ý. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, T7 chở Trần Bảo T đến chỗ H ở TP. Q gặp T6 và H1 xem xe. Tại đây, T6 đã nói rõ cho T7 biết là xe trộm cắp, tuy nhiên Trần Bảo T và T7 đều thống nhất mua nhưng hẹn để về nhà lấy tiền. Đến khoảng 10h30' cùng ngày, Trần Bảo T, T7 nhờ N2 chở đến điểm hẹn ở quán cà phê khu vực Phú Tài gặp T6, H1 để mua xe trong đó Trần Bảo T mua xe BS: 77D1 - 111.37 với giá 3.500.000 đồng (do trước đó T6 nợ Trần Bảo T số tiền 700.000 đồng nên Trần Bảo T chỉ đưa cho T6 số tiền 2.800.000 đồng) và Lê Minh T7 mua xe BS: 77N2 - 7438 với giá 3.000.000 đồng. Khi có tiền bán xe, H1 cho T6 300.000 đồng, số tiền còn lại H1 và H2 chia nhau tiêu xài. Đối với hai xe mô tô nói trên đã bị Cơ quan điều tra P thu và trả lại cho bị hại xong.

Ngày 08/12/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện P có bản kết luận số, xác định xe mô tô BS: 77D1 – 111.37 trị giá 14.000.000đ; xe mô tô BS: 77N2 – 7438, trị giá 12.000.000đ.

**Vụ thứ 17:** Khoảng 14 giờ ngày 30/11/2017, Nguyễn Văn Đ rủ Võ M H2 đi trộm cắp. H2 điều khiển xe mô tô chở Đ đi đến thôn P thấy có một xe mô tô biển số 77D1– 032.96 của chị Võ Thị G do con trai Mai Ngọc Q đứng tên chủ sở hữu đang dựng trong sân nhà chị Võ Thị Hồng C ở cùng thôn có gắn chìa khóa trên ổ khóa, không có người trông coi. H2 dừng xe lại, đứng ngoài cảnh giới, Đ đi vào dắt xe mô tô ra ngoài rồi nổ máy điều khiển đi vào T đưa cho Lê Phú T6 bán còn H2 đi về nhà. Sau khi nhận xe từ Đ, T6 gọi điện thoại nhờ Đặng Văn T5 để nhờ T5 thế xe nên T5 gọi điện cho Bùi Phi Đ nhờ Đ chỉ chỗ, vì vậy Đ cho T5 số điện thoại của D (bạn của Đ) ở Gia Lai, không rõ nhân thân, địa chỉ cụ thể để liên lạc. Do đó, T5 gọi điện thoại gặp D thì được D giới thiệu 01 người tên L (ở Gia Lai, không rõ nhân thân, địa chỉ cụ thể) và L đồng ý cầm xe và hẹn

ngày hôm sau gặp nhau. Khoảng 11 giờ ngày 01/12/2017, T5 và T6 gặp L trước UBND thị trấn D. Tại đây, hai bên thỏa thuận giá cầm xe mô tô và T6 nói dối xe của gia đình giấy tờ do ba mẹ giữ nên hai bên thống nhất cầm với giá 3.500.000 đồng, T6 trả nợ cho T5 500.000 đồng, còn lại T6 giữ tiêu xài hết. Sau khi cầm xe, T6 nói dối với Đ là trên đường đi tiêu thụ bị Công an phát hiện truy đuổi nên bỏ xe lại chạy trốn nhằm để một mình tiêu hết số tiền có được; còn Đ sau khi biết xe mà Đ giới thiệu cầm cố là tài sản trộm cắp nên theo yêu cầu của Cơ quan điều tra Bùi Phi Đ đã đến tỉnh Gia Lai tìm D, L yêu cầu đem xe về nộp, nhưng D và L không thực hiện mà giao xe cho Đ rồi bỏ đi; Đ đã giao nộp xe trên cho Cơ quan CSĐT (PC44) – Công an tỉnh Bình Định và xe này đã được trả cho bị hại.

Ngày 12/12/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện P có bản kết luận số xác định xe mô tô nói trên trị giá là 7.666.668đ.

**Vụ thứ 18:** Khoảng 12 giờ ngày 01/12/2017, Lê Phú C5 rủ Nguyễn Văn Đ đi trộm cắp, Đ điều khiển xe mô tô chở C6 đi đến nhà chị Đỗ Thị Mỹ L ở A, Bình Định, phát hiện xe mô tô hiệu Sirius, BS: 77X4-7514 của chị Lợi, trên xe gắn sẵn chìa khóa, dựng trong sân nhà chị Lợi, không có người trông coi. Đ dừng xe, C6 đứng ngoài cảnh giới còn Đ đi bộ vào trong dắt xe ra rồi cả hai mỗi người điều khiển một xe chạy đến tiệm internet Xuân Ánh ở xã P, huyện T. Tại đây, Đ đưa xe cho T6 bán. T6 điện thoại cho Nguyễn Minh T6 bán xe không giấy tờ và T6 nói dối giấy tờ xe bị mất nên bán rẻ với giá 2.500.000đ. Tư đồng ý và hẹn gặp T6 tại xưởng gỗ Đức Trần Bảo T khu Công nghiệp Phú Tài và đưa cho T6 1.700.000 đồng rồi lấy xe, số tiền còn lại sẽ đưa sau. Số tiền bán xe có được T6, Đ và C6 ăn nhậu hết. Sau khi biết xe mô tô nói trên là tài sản do trộm cắp mà có nên Nguyễn Minh T6 giao nộp cho Cơ quan CSĐT. Cơ quan CSĐT – Công an thị xã A trả lại chiếc xe mô tô trên cho bị hại.

Ngày 09/12/2017, Ngày 25/12/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã A có bản kết luận xác định xe mô tô nói trên trị giá là 6.000.000 đồng.

**Vụ thứ 19:** Ngoài ra Lê Phú C5 một mình trộm cắp 01 xe mô tô hiệu Sirius, SM: 5C641026461 SK: C641DY026453 gắn biển số 77X7 – 6509 để gần sông bầu cua tại địa bàn thị xã A, rồi đem về nhà cất, khoảng 01 tuần sau đem thế chấp cho Phạm Tấn C4 với giá tiền 3.000.000 đồng (có viết giấy thế chấp xe, ghi ngày 19/6/2017 âm lịch). Qua xác minh, xác định xe mô tô nói trên là của Ngô Văn Đ1 bị mất trộm vào trưa ngày 26/6/2017 tại nhà ở huyện V nhưng biển số thật là 77B1-02247 đã bị thay thế; còn tại địa bàn thị xã A xác định không có ai báo mất vụ trộm xe mô tô nào vào thời điểm nói trên; biển số xe 77X7 – 6509

gắn vào xe nói trên được xác định là cấp cho xe mô tô của chủ sở hữu Bùi Nguyễn Thị Như H -1988, ở: Tổ 36, KV6, phường Đồng Đa, TP phố Q, tuy nhiên không xác minh được chị H (do địa chỉ không chính xác). Còn đối với xe mô tô nói trên thì sau khi Công nhận thể chấp mà C6 không chuộc lại nên đã thể chấp cho người khác; nhưng khi biết xe mô tô này là tài sản do trộm cắp nên Phạm Tấn C4 đã chuộc về giao cho Cơ quan điều tra và không có yêu cầu bồi thường. Cơ quan CSĐT – Công an tỉnh Bình Định trả lại chiếc xe mô tô trên cho chủ sở hữu.

Ngày 29/3/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Bình Định có bản kết luận số, xác định xe mô tô nói trên trị giá là 13.200.000 đồng.

**Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 55/2018/HS-ST ngày 27-11-2018, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định:**

***Tuyên bố:*** Bị cáo Nguyễn Văn Đ, Lê Văn S phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Bị cáo Lê Văn T phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

- *Căn cứ vào:* Điểm a khoản 3 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm a, b, n, g khoản 1 Điều 48 BLHS.

- *Xử phạt:* Bị cáo Nguyễn Văn Đ 09 (chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam 09/12/2017.

- *Căn cứ vào:* Khoản 1 Điều 138; điểm p, h khoản 1 Điều 46 BLHS.

- *Xử phạt:* Bị cáo Lê Văn S 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

*Căn cứ vào:* Khoản 1 Điều 250; điểm p, h khoản 1 Điều 46 BLHS.

- *Xử phạt:* Bị cáo Lê Văn T 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 30-11-2018 bị cáo Nguyễn Văn Đ có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 05-12-2018 bị cáo Lê Văn S có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 10-12-2018 bị cáo Lê Văn T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

-Ngày 04-12-2018 bị cáo Lê Phú C5 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Nhưng đến ngày 18/02/2019 bị cáo Lê Phú C5 có đơn xin rút lại đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Lê Văn S giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo Lê Văn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Kiểm sát viên phát biểu: Sau khi phân tích nội dung vụ án, tính chất hành vi và vai trò của các bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên phần quyết định về hình phạt của Bản án sơ thẩm đối với các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Lê Văn S và Lê Văn T. Đối với bị cáo Lê Phú C5, kiểm sát viên đề nghị căn cứ Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự đình chỉ xét xử phúc thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra, xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

Đối với bị cáo Lê Phú C5 đã có đơn rút đơn kháng cáo do vậy Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm.

Xem xét đơn kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

{1} Đối với bị Nguyễn Văn Đ: Trong khoảng thời gian từ tháng 7/2017 đến tháng 12/2017 bị cáo đã tham gia 15 vụ trộm cắp tài sản, hầu hết là trộm cắp xe mô tô của 15 người bị hại. Trong đó có 10 vụ bị cáo Đ chủ động rủ rê người khác đi trộm cắp, còn 05 vụ làm tham gia với vai trò đồng phạm. Trị giá tài sản tính riêng đối với bị cáo, đã xác định được theo kết quả định giá tài sản là 202.443.346 đồng. Nhận thấy bị cáo Nguyễn Văn Đ giữ vai trò chính phạm trong vụ án, nhiều lần chủ động rủ rê các bị cáo khác tham gia trộm cắp tài sản, số lượng tài sản lớn, bản thân bị cáo đã 02 lần bị Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa và Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm, bản thân bị cáo đã phạm vào 04 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, chỉ được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ. Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an và làm hoang mang lo sợ trong nội bộ nhân dân. Theo quy định tại khoản 3 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 cũng như khoản 3, Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 thì mức án đều từ 7 đến 15 năm tù. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 55/2018/HS-ST ngày 27-11-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã áp dụng Điểm a khoản 3 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm a, b, n, g

khoản 1 Điều 48 BLHS để xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 09 (*chín*) năm tù là tương xứng, đúng với tính chất hành vi phạm tội, không nặng. Tại phiên tòa phúc thẩm không có tình tiết gì mới nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, cần giữ nguyên phần Quyết định về hình phạt tại Bản án hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ.

{2}. Đối với bị cáo Lê Văn S: Bị cáo S tham gia thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản, có tang số là 25.000.000 đồng, hành vi của bị cáo đã cấu thành tội phạm được quy định tại Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999. Xét thấy trưa ngày 07/7/2017 Lê Văn S đã tham gia cùng Lê Phú C5 và Lê Phú T6 trộm cắp chiếc mô tô Biển số 78K103575 của anh Nguyễn Tuấn H trị giá 25.000.000 đồng. S cùng đồng bọn bán xe lấy tiền tiêu xài, xe mô tô không thu hồi được. Riêng Lê Văn S bị buộc bồi thường 7.500.000 đồng cho anh Hiệp nhưng vẫn chưa bồi thường. Xét thấy hành vi tham gia cùng đồng bọn trộm cắp tài sản của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, hậu quả cũng chưa được khắc phục. Tại bản án hình sự sơ thẩm đã áp dụng khoản 1 Điều 138, các điểm p, h khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo 06 tháng tù là tương xứng với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã xem xét áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm không có tình tiết gì mới nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo Lê Văn S, cần giữ nguyên phần Quyết định về hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Lê Văn S.

{3}. Đối với bị cáo Lê Văn T xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo. Xét thấy bị cáo đã có hành vi mua lại chiếc xe mô tô mà đã biết rõ xe đó do Nguyễn Văn Đ và các đồng phạm khác đã trộm cắp mà có, với giá 5.000.000 đồng, tuy nhiên theo kết quả định giá tài sản xe mô tô trị giá là 22.550.000 đồng. Hành vi của bị cáo Lê Văn T đã cấu thành tội phạm “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” được quy định tại Khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999. Tại Bản án hình sự sơ thẩm đã áp dụng Khoản 1 Điều 250 các điểm p, h Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo 06 tháng tù là có căn cứ pháp luật, tuy nhiên xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú và nghề nghiệp ổn định, được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điều 46 Bộ luật hình sự, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã cung cấp thêm chứng cứ chứng minh gia đình bị cáo là hộ cận nghèo, có bố bị cáo là thương binh do vậy cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm x khoản 1, khoản 2, Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 và áp dụng Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP Hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để chấp nhận kháng cáo, xem xét thay đổi biện pháp chấp hành hình phạt, không nhất thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, xử phạt tù nhưng

cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Lê Văn S, chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Lê Văn T.

Do không chấp nhận kháng cáo nên các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Lê Văn S phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Đối với các bị cáo Lê Văn T do chấp nhận kháng cáo nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Lê Phú T6, Lê Phú C5, Võ M H2, Huỳnh Văn H1, Huỳnh Kim S, Phạm Văn Tri, Phạm Thành N2, Lê Văn T7 và Trần Bảo Trần Bảo T, về bồi thường thiệt hại, xử lý vật chứng và án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ: Điều 348; điểm a, b Khoản 1 Điều 355, Điều 356, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

**1.** Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Lê Phú C5. Phần quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Lê Phú C5 có hiệu lực pháp luật.

**2.** Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Văn Đ và bị cáo Lê Văn S. Chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo Lê Văn T.

Áp dụng Điểm a khoản 3 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm a, b, n, g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Đ 09 (*chín*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam 09/12/2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 138 các điểm p, h Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999, xử phạt bị cáo Lê Văn S 06 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án hoặc bị bắt thi hành án.

Áp dụng Khoản 1 Điều 250; điểm p, h khoản 1 Điều 46 BLHS 1999, Điểm x khoản 1, khoản 2 Điều 51 Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP Hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn T 06 (sáu) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Lê Văn T cho UBND thị trấn D, huyện T, tỉnh Bình Định giám sát, quản lý giáo dục đối với bị cáo trong thời gian thử thách của án treo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

**3. Về án phí hình sự phúc thẩm:** Áp dụng Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Văn Đ, Lê Văn S mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Lê Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Lê Phú T6, Võ M H2, Huỳnh Văn H1, Huỳnh Kim S, Phạm Văn Tri, Phạm Thành N2, Lê Văn T7 và Trần Bảo Trần Bảo T, về bồi thường thiệt hại, xử lý vật chứng và án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TANDTC;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Cục THADS tỉnh Bình Định;
- Công an tỉnh Bình Định;
- Trại tạm giam CA tỉnh Bình Định (các bị cáo);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án; Lưu trữ, Phòng HCTP.

(Đã ký)

**Trương Công Thi**